TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2018
V/v Kiện không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Viết Oanh
Bà Nguyễn Thị Bạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 1112/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc "*Kiện không công nhận vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cấn Ngọc Th - Sinh năm: 1983 (có mặt)
Địa chỉ: Số 88/8/1 đường N D, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trần Trí Q - Sinh năm: 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Số 88/8/1 đường N D, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay bà Cấn Ngọc Th trình bày:

Tôi và ông Trần Trí Q có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung: Cháu Trần Trí Minh S, sinh ngày 01/11/2002 và cháu Trần Trí Minh Kh, sinh ngày 25/5/2006. Hiện nay các cháu đang ở với tôi.

Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi có nhiều mâu thuẫn, tôi và ông Quang không hợp nhau, bất đồng nhiều trong quan điểm sống. Chúng tôi đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Từ khi chung sống đến nay chúng tôi vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, nguyện vọng của tôi đề nghị Tòa án không công nhận tôi và ông Trần Trí Qlà vợ chồng.

Về con chung: Tôi đề nghị được nuôi cháu Trần Trí Minh S, sinh ngày 1/11/2002 và cháu Trần Trí Minh Kh, sinh ngày 25/5/2006 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Trí Q trình bày:

Tôi và cô Cấn Ngọc Th có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung. Cháu Trần Trí Minh S, sinh ngày 1/11/2002 và cháu Trần Trí Minh Kh, sinh ngày 25/5/2006. Hiện nay các đang ở với cô Th.

Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tôi và cô Th không hợp nhau, bất đồng nhiều trong quan điểm sống. Chúng tôi đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Từ khi chung sống đến nay chúng tôi vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, cô Th làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận chúng tôi là vợ chồng, tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Tôi tự nguyện giao hai con chung là các cháu Trần Trí Minh S, sinh ngày 01/11/2002 và cháu Trần Trí Minh Kh, sinh ngày 25/5/2006 cho cô Thi nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân dự. Tại phiên tòa HĐXX và các đương đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Khoản 1 Điều 14 và các Điều 15, 16, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Áp dụng Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, khoản 1 Điều 228 BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Cấn Ngọc Th: Không công nhận bà Cấn Ngọc Th và ông Trần Trí Q là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Trí Minh S, sinh ngày 1/11/2002 và cháu Trần Trí Minh Kh, sinh ngày 25/5/2006 cho bà Cấn Ngọc Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ônh Trần Trí Q có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Năm 2001 bà Cấn Ngọc Th và ông Trần Trí Q có chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của bà Cấn Ngọc Th đề nghị Tòa án tuyên bố bà Th và ông Q không phải là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về con chung: Chấp nhận tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và nguyện vọng của con chung là giao cháu Trần Trí Minh S, sinh ngày 01/11/2002 và cháu Trần Trí Minh Kh, sinh ngày 25/5/2006 cho bà Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Cấn Ngọc Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Cấn Ngọc Th: Không công nhận bà Cấn Ngọc Th và ông Trần Trí Q là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Trí Minh S, sinh ngày 01/11/2002 và cháu Trần Trí Minh Kh, sinh ngày 25/5/2006 cho bà Cấn Ngọc Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Trí Q có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Cấn Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0000700 ngày 24/11/2017 tại Chi cục thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;*
- *Chi cục THADS TP.BMT;*
- *UBND phường Thành Công, TP. BMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên